

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-02-2019

V/v ly hôn giữa chị H và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Sơn

Ông Nguyễn Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thúy H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ H, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Bị đơn: Anh Đinh Xuân N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ H, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị Thúy H trình bày:

Chị và anh N tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2013, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã

nhau. Anh N thường hay đi nhậu về khuya, không vun vén gia đình, thường vô cớ chửi bới, đánh đập vợ nhiều lần. Dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể hàn gắn, không thể hòa giải nên chị và anh đã sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Nay chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Đinh Quang T, sinh ngày 21/8/2014 và Đinh Hoàng S sinh ngày 20/01/2017. Chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu nào khác.

Tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Xuân N trình bày:

Anh N thống nhất như phần trình bày của chị H về thời gian chung sống và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh N trình bày trong thời gian chung sống anh chị sống hạnh phúc, thời gian gần đây mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không phụ giúp việc nhà, thường xuyên đi công tác nên ít quan tâm đến vợ con, có đôi lần anh nóng giận không kiềm chế được nên có lấy đuôi dây lưng đánh vợ 01 cái và có lần tát vợ mấy cái. Do vậy, chị H đã về nhà cha mẹ ruột ở và anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Trong quá trình sống ly thân, anh có điện thoại và nhắn tin cho chị H nhưng chị không trả lời. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh không muốn các con mỗi đứa một nơi và anh vẫn còn yêu thương vợ.

Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung tên Đinh Quang T, sinh ngày 21/8/2014 và Đinh Hoàng S sinh ngày 20/01/2017. Nếu ly hôn thì anh N yêu cầu được nuôi cháu Đinh Quang T và giao cháu Đinh Hoàng S cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh N không còn yêu cầu nào khác.

Anh N không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh.

Tại các buổi hòa giải ngày 25/01/2019 và 15/02/2019 Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh N còn anh N không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên các bên thống nhất được với nhau về việc giao cháu Đinh Quang T cho anh N, cháu Đinh Hoàng S cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000đ/tháng. Anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi cháu T, giao cháu S cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56; Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thúy H, cho chị Hồng được ly hôn với anh Đinh Xuân N. Giao cháu Đinh Quang T, sinh ngày 21/8/2014 cho anh N, cháu Đinh Hoàng S, sinh ngày 20/01/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Đinh Xuân N hiện đang cư trú tại phường T, thành phố Đ, Bình Phước nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chị H, anh N chung sống và có đăng ký kết hôn từ năm 2013. Nay chị H yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Xét yêu cầu khởi kiện thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình, có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tranh chấp về cấp dưỡng” theo quy định tại Khoản 1, Khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H, anh N tự nguyện chung sống với nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh N có đánh chị vài lần. Hiện tại anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh N có nhắn tin, điện thoại nhưng chị không trả lời. Những điều này được cả hai bên thừa nhận. Điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 20/02/2019 có nội dung: “trong quá trình sinh sống, chị H và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau” (BL27). Mặc dù đã

được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần để các đương sự hàn gắn, đoàn tụ với nhau nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồng là có cơ sở.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết mặc dù anh N không đồng ý ly hôn nhưng cả anh N và chị H vẫn thống nhất giao con chung tên Đinh Quang T, sinh ngày 21/8/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Đinh Hoàng S, sinh ngày 20/01/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H vẫn yêu cầu được nuôi cả hai con, còn anh N yêu cầu được nuôi cháu T.

Xét thấy, về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì cả chị H và anh N đều có công việc và thu nhập ổn định khoảng 8.000.000đồng/tháng/người. Tuy nhiên, chị H đã có nhà riêng, còn anh N đang phải thuê nhà. Anh N thừa nhận anh không có thời gian để trực tiếp chăm sóc, đưa đón con đi học. Do đặc thù công việc là Thanh tra của một cơ quan nhà nước nên anh thường xuyên phải đi làm xa, thời gian đi từ 05h30 đến 19h mới về, nhất là vào Quý 2,3,4. Vì vậy, nếu được nuôi con anh phải gửi con về cho bố mẹ ruột ở tỉnh Lâm Đồng trực tiếp nuôi dưỡng, hàng ngày anh sẽ gọi điện thoại facetime cho con, một tháng anh sẽ về thăm con một lần. Còn chị H làm công việc văn thư của một cơ quan nhà nước nên chị không phải đi công tác xa, làm việc giờ hành chính nên chị có thời gian để chăm sóc, đưa đón con đi học. Hơn nữa, các con còn rất nhỏ, cần được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn. Mặt khác, chị H sinh sống ở thành phố Đồng Xoài và anh N cũng công tác ở thành phố Đồng Xoài nên anh N sẽ có nhiều thời gian để đến thăm nom, chăm sóc các con thường xuyên hơn. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của các con, nên cần giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/con, 02 con là 4.000.000 đồng/tháng. Anh N thừa nhận thu nhập của anh chỉ khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Nếu anh N phải cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/02 con thì sẽ không đảm bảo cho chi phí sinh hoạt hàng tháng của anh N. Vì vậy, về phần này chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con, 02 con là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, về con chung và cấp dưỡng nuôi con chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Thúy H được ly hôn với anh Đinh Xuân N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Quang T, sinh ngày 21/8/2014 và Đinh Hoàng S, sinh ngày 20/01/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Thời gian bắt đầu cấp dưỡng: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000741 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- CCTHADS thành phố Đồng Xoài;
- UBND P.Tân Phú, ĐX, BP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hương Giang

